

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HS-ST
Ngày 23-8-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ứng Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Xuân.
2. Bà Lò Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Đôn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu , tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HS ngày 11/8/2022 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Lò Văn T, sinh năm 1998, tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Nơi cư trú: Bản B, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn D và bà Lý Thị S; bị cáo chung sống như vợ chồng với Hoàng Thị D, có 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/4/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Lò Văn D, sinh năm 2003, tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Nơi cư trú: Bản N, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn B và bà Lò Thị T; bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/4/2022 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lò Văn B

Nơi cư trú: Bản N, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, có mặt.

2. Chị Hoàng Thị D

Nơi cư trú: Bản Đ, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 20 phút, ngày 02 tháng 4 năm 2022 tại bản Chiềng Hưng, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La tổ công tác Công an huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La phối hợp với Công an xã Yên Sơn, huyện Yên Châu phát hiện bắt quả tang đối với Lò Văn T và Lò Văn D đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói nilon màu xanh bên trong chứa 20 viên nén đồng dạng hình trụ tròn màu hồng nghi là Methamphetamine; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA- Wave, BKS: 26B2- 291.93, màu trắng đen; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu REALME- C21Y, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu đen; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu ITTEL, loại bàn phím, vỏ màu đen; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu vàng đồng. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 4 năm 2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La phối hợp với Phòng PC09 Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành mở niêm phong, xác định khối lượng vật chứng, trích rút mẫu để giám định. Kết quả cân tịnh 20 viên nén đồng dạng hình trụ tròn màu hồng có khối lượng là 2,05 gam; trích 05 viên nén đồng dạng hình trụ tròn màu hồng có khối lượng 0,51 gam kí hiệu là A gửi giám định chất ma túy; còn lại 15 viên nén đồng dạng hình trụ tròn màu hồng có khối lượng 1,54 gam kí hiệu là B nhập kho vật chứng.

Tại kết luận giám định số 582 ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Phòng kĩ thuật hình sự PC09 Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu gửi giám định kí hiệu A là ma túy; loại Methamphetamine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,51 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 2,05 gam; loại Methamphetamine.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, Hoàng Thị D- Sinh năm: 1999- Trú tại: Bản Đông Tấu, xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu ITTEL, loại bàn phím, vỏ màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng mà bị cáo T đã sử dụng để liên lạc với bị cáo D.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn D khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 02/4/2022 T mang theo số tiền 1.000.000 đồng rồi đi bộ từ phòng trọ ở tiểu khu 3/2, xã Cò Nồi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La theo

đường Quốc lộ 6 đến khu vực nhà máy đường Sơn La thuộc tiểu khu 3/2, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La mục đích tìm quán uống nước. Khi đi đến khu vực nhà máy đường Sơn La, T gặp một người đàn ông đang đi bộ ngoài đường. Qua nói chuyện T biết người đàn ông có ma túy bán nên T hỏi và mua được của người đàn ông trên 01 gói nilon màu xanh bên trong chứa 20 viên Hồng phiến với giá 1.000.000 đồng. Mua được ma túy, T cất giấu gói ma túy vào trong túi quần bên trái rồi đi bộ về phòng trọ, T cất giấu gói ma túy vào trong khe hở của bức tường và trần nhà phòng trọ. Sau đó T đi bộ ra đường Quốc lộ 6 đi nhờ xe máy của một người đàn ông đến khu vực gần bản B, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn để về nhà.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày T gọi điện thoại từ số thuê bao: 0377.328.289 của Hoàng Thị D (đang chung sống như vợ chồng) đến số thuê bao: 0862.075.485 của Lò Văn D bảo D đến phòng trọ của T ở tiểu khu 3/2, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn lấy gói Hồng phiến mà T đang cất giấu mang đến cho T để cùng nhau sử dụng, D đồng ý và điều khiển xe máy BKS: 26B2- 291.93 của Lò Văn B (là bố của D) đi từ nhà đến phòng trọ của T. Đến nơi, D đi vào phòng trọ của T lấy trong khe hở của bức tường và trần nhà bên trái cửa phụ phòng trọ (theo hướng từ trong phòng đi ra ngoài) 01 gói nilon màu xanh, D mở gói nilon màu xanh kiểm tra thấy bên trong chứa 20 viên Hồng phiến rồi gói lại cất giấu gói ma túy vào trong túi áo khoác bên trái rồi điều khiển xe máy đến nhà T. Đến nơi, T rủ D đi đến khu vực xã Yên Sơn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La tìm nơi để cả hai sử dụng ma túy, D đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe máy chở D ngồi sau theo đường Quốc lộ 6C đến xã Yên Sơn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Khi T và D đi đến bản Chiềng Hung, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu thì bị tổ công tác Công an huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La phối hợp với Công an xã Yên Sơn, huyện Yên Châu phát hiện bắt giữ.

Tại bản cáo trạng số: 38/CT-VKSYC ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Yên Châu để xét xử đối với các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn D về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 28 tháng đến 34 tháng tù, xử phạt bị cáo Lò Văn D từ 26 đến 32 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án, đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu,

01 gói nilon màu xanh, 1,54 gam Methamphetamin.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu vàng đồng thu giữ của bị cáo Lò Văn D.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, loại bàn phím, vỏ màu đen; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu REALME- C21Y, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu đen cho bị cáo Lò Văn T.

Trả lại 01 điện thoại di động 01 điện thoại di động, nhãn hiệu ITEL, loại bàn phím, vỏ màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng cho chị Hoàng Thị D.

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA- Wave, BKS: 26B2- 291.93 cho ông Lò Văn B.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc bị cáo Lò Văn T, Lò Văn D mỗi bị cáo phải chịu án phí 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Ý kiến của bị cáo Lò Văn T trình bày: Bị cáo nhất trí như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, không có ý kiến gì thêm.

Ý kiến của bị cáo Lò Văn D trình bày: Bị cáo nhất trí như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát, không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, có thái độ ăn năn, hối cải về hành vi đã thực hiện mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi và trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, các bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc các bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; vật chứng đã thu giữ; biên bản mở niêm phong vật chứng, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định, niêm phong lại vật chứng; kết luận giám định và lời khai của người chứng kiến sự việc.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 09 giờ, ngày 02 tháng 4 năm 2022, bị cáo T đã mua trái phép 20 viên Methamphetamine với mục đích để sử dụng cho bản thân với giá 1.000.000 đồng mang về cất dấu tại phòng trọ của bị cáo. Khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo T đã sử dụng điện thoại của chị D liên lạc với bị cáo D bảo D đến phòng trọ của bị cáo T để lấy ma túy mà T đang cất dấu mang đến cho T để cùng nhau sử dụng. Sau khi nhận điện thoại từ bị cáo T, bị cáo D đã đến phòng trọ theo sự chỉ dẫn của bị cáo T đã lấy được 01 gói ma túy cất vào túi áo đang mặc rồi điều khiển xe máy đến nhà của bị cáo T. Khi gặp nhau các bị cáo đã rủ nhau đi đến khu vực xã Yên Sơn, huyện Yên Châu để cả hai cùng sử dụng ma túy. Trên đường đi đến bản Chiềng Hưng, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu thì bị tổ công tác Công an huyện Yên Châu phát hiện bắt giữ. Hành vi cất dấu 2,05 gam Methamphetamine của các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự có mức phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Việc Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn D phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ. Tòa án đưa vụ án ra xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi mà bị cáo đã thực hiện

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới chế độ quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, làm gia tăng các tệ nạn xã hội.

Phân hóa vai trò phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo Lò Văn T là người khởi xướng việc mua ma túy, bỏ tiền để mua ma túy và trực tiếp gọi điện cho bị cáo D đi lấy ma túy với mục đích cùng nhau sử dụng. Bị cáo D là người biết Lò Văn T đang cất dấu ma túy và theo sự chỉ dẫn của T đã trực tiếp đến nơi

cất dấu ma túy để lấy và dấu vào trong túi áo khoác rồi cùng nhau đi tìm nơi sử dụng. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm theo quy định tại điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xét về nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Các bị cáo nhận thức hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân, gia đình và xã hội nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung và đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm tại địa phương.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn D không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự;

[4] Các bị cáo đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian chấp hành án.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa thấy rằng các bị cáo là người nghiện ma túy, thu nhập không ổn định, cá nhân không có tài sản có giá trị lớn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 phong bì đã niêm phong, bên trong gồm có: “1,54 gam Methamphetamine, 01 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 gói nilon màu xanh”. Xét thấy đây là những vật cấm mua bán, lưu hành, không có giá trị sử dụng, cần tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu vàng đồng thu giữ của Lò Văn D xét thấy bị cáo sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc với bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITTEL, loại bàn phím, vỏ màu đen; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu REALME- C21Y, loại màn hình cảm ứng,

vỏ màu đen xét thấy không liên quan đến vụ án, cần tuyên trả lại cho bị cáo Lò Văn T.

Đối với 01 điện thoại di động 01 điện thoại di động, nhãn hiệu ITEL, loại bàn phím, vỏ màu đen của chị Hoàng Thị D, bị cáo T đã sử dụng để liên lạc với bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội chị D không biết, tại phiên tòa chị D đề nghị trả lại là có căn cứ chấp nhận.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA- Wave, BKS: 26B2- 291.93 thu giữ của Lò Văn D. Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy trên là của Lò Văn B. Việc D tự ý lấy xe máy đi thực hiện hành vi phạm tội ông B không biết. Ngày 28/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu đã trả lại chiếc xe trên cho Lò Văn B là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với người đã trực tiếp bán ma túy cho bị cáo Trường, HĐXX xét thấy hành vi mua bán đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội cần phải bị xử lý hình sự, nhưng quá trình điều tra không xác định được đối tượng nên không có căn cứ để xử lý ở vụ án này, đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý ở vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn B, chị Hoàng Thị D không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. - Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Lò Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2022 là ngày bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Lò Văn D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Lò Văn D 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2022 là ngày bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong, mặt trước ghi: Vật chứng vụ Lò Văn T cùng đồng bọn

có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra ngày 02/4/2022 tại bản Chiềng Hưng, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu bên trong gồm có: 01 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 gói nilon màu xanh, mẫu B = 1,54 gam Methamphetamine.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu vàng đồng thu giữ của Lò Văn D.

Trả lại cho bị cáo Lò Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITTEL, loại bàn phím, vỏ màu đen; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu REALME- C21Y, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Trả lại cho Hoàng Thị D 01 điện thoại di động 01 điện thoại di động, nhãn hiệu ITTEL, loại bàn phím, vỏ màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/7/2022 giữa cơ quan Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Châu).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm (ngày 23/8/2022).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- CA huyện Yên Châu;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- Bị cáo; Người có QL&NV liên quan;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ứng Văn Cường